

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/09/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	19	0		17	0	
2		RP2+RP3	7:25	18+4	0+0		7+15	0+0	
3		RCDM+RC4+RC5	7:25	7+7+8	0+0+0		1+5+16	0+0+0	
4		P2+CTK3+GTCl	7:25	22+0+0	0+0+0		18+3+0	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ CTK3-GTC1
5		RP1+RP3	7:25	6+16	0+0		3+19	0+0	
6		PVD2+RC3+AMD	9:25	8+11+3	0+0+0		6+6+9	0+0+0	
7		PPD+RP2	9:25	6+16	0+0		0+22	0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ PPD-RP2
8		RP3+CLO	9:25	12+10	0+0		4+18	0+0	
9		TD2+RP1	9:25	1+21	0+0		1+21	0+0	
10		P10+P8+P4	11:25	15+6+0	0+0+0		6+8+5	0+0+0	
11		PPD+RCDM	11:25	6+18+4	0+0+0		6+16	0+0	
12		PPD+P9	11:25	6+14+8	0+0+0		6+16	0+0	

TPDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ RCDM-6 NGƯỜI ĐI VỀ TRONG NGÀY.

2/CÁC ĐƠN VỊ ĐI PPD CÓ HÀNG PHẢI LIÊN HỆ GỬI TỪ CÁC CHUYẾN P2 HOẶC PPD ĐÓT 1



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: MTiến - Toàn	ETA: 10:30
xanh-1 A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC HIÊN	BK THIE	96	1	10		75	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM MINH TUẤN	BK THIE	85-86	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM GIÁP TRI	BK THIE	595	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VIỆT TUNG	BK THIE	91	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN MINH TÂM	BK THIE	94	1	3	20	75	KH-THAC	Vietnamese
6	DUƠNG VĂN THÔNG	BK THIE	83	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ ĐÌNH HUY	BK THIE	600	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN CƯỜNG	BK THIE	81	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NAM SINH	BK THIE	82	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TÀNG MẠNH HÀ	BK THIE	95	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ANH TUẤN	BK THIE	87	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
12	VU HUNG TUAN	BK THIE					75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN SƠN	BK THIE	84	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY DU	BK THIE	92	1	5		91	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUÝ TOÀN	BK THIE	88	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
16	TẠ MẠNH HÙNG	BK THIE	89-90	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO ĐÌNH HUY	BK THIE	93	1	5	11	78	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THỊ	BK THIE					74	KH-THAC	Vietnamese
19	MAHETA	BK THIE	97	1	4	24	100	NHATHAU	Indian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	19	19	102	1.363	55	17		
	<b>TOTAL</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	<b>102</b>	<b>1.363</b>	<b>55</b>	<b>17</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>102</b>	<b>1.363</b>	<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.520 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2018	TO: RP2 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Vân - TRƯỜNG - DTùng	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HOANG	RP2	11	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN NGUYEN BAO MINH	RP2	22	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN BAN	RP2	15	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC VINH	RP2	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHAC SANG	RP2	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUC THANG	RP2	17-18	2	10	50	72	YTE	Vietnamese
7	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	05	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	GARIBEKOV M. K	RP2	10	1	5		100	KH-THAC	Russian
9	VU ANH TUNG	RP2					73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH LUAN	RP2	14	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH DUY	RP2	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HONG QUANG	RP2	12-13	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH YẾN	RP2	01	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẠO VĂN TUẤN	RP2	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM QUANG LỢI	RP2	07	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN DAT	RP2	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN QUÂN	RP2	03-04	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG LINH	RP3	48-49	2	5		74	KH	Vietnamese
20	DO THANH HUNG	RP3	45-47	3	12		70	YTE	Vietnamese
21	LUONG ANH TUAN	RP3	53-54	2	17	20	75	KH-THAC	Vietnamese
22	LE NGOC PHU	RP3	51-52	2	17		69	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	18	19	97	1.219	50	7		
2	RP3	4	9	51	288	20	15		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>28</b>	<b>148</b>	<b>1.507</b>	<b>70</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>148</b>	<b>1.507</b>	<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2018	TO: RCDM - RC4 - RC5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - NNam	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDARENKO	RCDM					99	D-HANH	Russian
2	LUBNIN	RCDM	09	1	4		59	D-HANH	Russian
3	NOVIKOV	RCDM	10	1	7		94	D-HANH	Russian
4	NGUYEN XUAN THO	RCDM					88	D-HANH	Vietnamese
5	ARKHIPOV	RCDM	06	1	2		96	D-HANH	Russian
6	POPOV	RCDM	08	1	5		74	D-HANH	Russian
7	PHAM XUAN VINH PHUC	RCDM	07	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG MINH	RC4	95	1	6	60	64	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TI	RC4					64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH VAN CONG	RC4	94	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU TIEN BINH	RC4	92-93	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LE DINH THANG	RC4	96	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ANH TUAN	RC4	98	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI VAN TUONG	RC4	97	1	3		69	PSV	Vietnamese
15	KHALIMOV	RC5	61	1	11	55	92	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN NGOC TAN	RC5	66	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN NAM THANG	RC5	60	1	6		99	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VAN NINH	RC5	64	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC LINH	RC5	62	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THE VU	RC5	65	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
21	HA QUANG TRUNG	RC5	63	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM VAN HUAN	RC5	67	1	6		69	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	7	5	22	579	0	1		
2	RC4	7	7	57	493	60	5		
3	RC5	8	8	58	595	35	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>20</b>	<b>137</b>	<b>1.667</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>137</b>	<b>1.667</b>	<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2018	TO: P2 - CTK3 - GTC1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - Dũng - Năm	ETA: 09:20
Trang - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MINH PHỤNG	P2					84	KHI	Vietnamese
2	LÊ HỮU HÀ	P2	51	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	LUƠNG VĂN BÁC	P2	47	1	5		68	KHI	Vietnamese
4	PHẦN VĂN SỸ	P2	49	1	5		75	KHI	Vietnamese
5	ĐẶNG THANH SƠN	P2	45	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	LUƠNG THẾ MINH	P2	52	1	5		63	KHI	Vietnamese
7	PHẠM KIẾN TRÚC	P2	57	1	17	15	65	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM THANH NAM	P2	50	1	10	45	70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM THIÊN NAM	P2	48	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HAI BĂNG	P2	38	1	8		58	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P2	34	1	8		62	PSV	Vietnamese
12	PHẠM HỒNG ĐIỀN	P2	35	1	4		67	PSV	Vietnamese
13	ĐIỀU KIỆU HẠNH	P2	33	1	5		78	PSV	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC CƯỜNG	P2	39	1	5		68	PSV	Vietnamese
15	BUI LONG HUNG	P2	36	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	46	1	5		50	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG QUỐC LONG	P2	32	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH HẢI	P2	37	1	5		53	PSV	Vietnamese
19	MAI CAO ĐỊNH	P2	41	1	5		55	PSV	Vietnamese
20	PHẠM HỮU ANH	P2	42	1	5	60	55	PSV	Vietnamese
21	TRẦN HỮU CƯỜNG	P2	43-44	2	10		54	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LINH	P2	40	1	6		70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	22	136	1.425	120	18		
2	CTK3	0	0	0	0	5	3 + 1		CHUYỂN 1 KHÁCH TỪ CTK3 SANG GTC1
3	GTC1	0	0	0	0	40	0		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>136</b>	<b>1.425</b>	<b>165</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>136</b>	<b>1.425</b>	<b>165</b>			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 9/21/2018	TO: RP1 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Cuong - VTHU - HNAM	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAMEDOV E.	RP1	42	1	10		81	KH-THAC	Russian
2	PHAN VAN NGO	RP1	45-46	2	7		55	YTE	Vietnamese
3	KARAKOV A.B	RP1	43	1	9	35	77	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUANG TUNG	RP1					71	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NGOC LONG	RP1	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM ĐÌNH TUẤN	RP3	39	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
8	IAXHIN RUSTEM	RP3	25	1	9		82	KH-THAC	Russian
9	PHẠM VĂN ANH	RP3	32	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
10	LUU THE ANH	RP3	36	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANHTRUNG	RP3	30-31	2	15		71	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯỜNG VĂN THƯƠNG	RP3					60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ QUANG HÙNG	RP3	24	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN VĂN LY	RP3	37-38	2	15		81	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN SƠN	RP3	29	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	27	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TRỌNG LINH	RP3	28	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	34-35	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TU THẮNG	RP3	22-23	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM QUANG TRUNG	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
21	LUÔNG VĂN LUÔNG	RP3	33	1	6		91	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG XUÂN HÙNG	RP3	26	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	6	5	31	424	35	3		
2	RP3	16	18	106	1.132	0	19		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>137</b>	<b>1.556</b>	<b>35</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>137</b>	<b>1.556</b>	<b>35</b>			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2018	TO: PVD2 - RC3 - AMD	AIRCRAFT: 1406	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - DTùng	ETA: 11:20
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG QUYẾT THẮNG	PVD2	46	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN ĐÔNG	PVD2	49-50	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN TAM	PVD2	52	1	10	60	60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN GIA CUONG	PVD2	53-54	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC KHÔI	PVD2	48	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN LE ĐANG QUANG	PVD2	51	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG HUY	PVD2	47	1	12		85	DVL	Vietnamese
8	PHẠM HAI LONG	PVD2	45	1	10		73	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC HAI	RC3	75	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN KIM SƠN	RC3	68-69	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO TUAN ANH	RC3	72	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẬU HUY HOANG	RC3	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TAN HONG	RC3	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI ĐỨC HẬU	RC3	74	1	7		60	CODIEN	Vietnamese
15	ĐINH VANG GIANG	RC3	67	1	8		75	GETRACO	Vietnamese
16	HOANG ANH TIEN	RC3	79	1	5	40	65	PVGAS	Vietnamese
17	LÊ TIEN DUNG	RC3	77-78	2	15	25	80	PVGAS	Vietnamese
18	NGUYEN ANH ĐỨC	RC3	71	1	10		72	PVGAS	Vietnamese
19	NGUYEN DUY DAN	RC3	76	1	5		80	PVGAS	Vietnamese
20	ĐỖ THANH HUNG	AMD	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH VU.	AMD	86-87	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ ANH HOANG	AMD	88-89	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	8	10	87	580	60	7		
2	RC3	11	13	83	764	65	6		
3	AMD	3	5	21	204	0	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>28</b>	<b>191</b>	<b>1.548</b>	<b>125</b>	<b>22</b>	<b>25</b>	
<b>WEIGHT KG</b>				<b>191</b>	<b>1.548</b>	<b>125</b>			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2018	TO: PPD - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - NNam	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN PHUC HAU	PPD	83	1	7		71	KHI	Vietnamese
2	DOAN DUY HUNG	PPD	84	1	6		87	KHI	Vietnamese
3	LE THANH TRUNG	PPD	87	1	4		63	KHI	Vietnamese
4	PHAM DUC TOAN LOC	PPD	85	1	8		82	KHI	Vietnamese
5	LUONG MANH DUONG	PPD	86	1	7		60	KHI	Vietnamese
6	VU NGOC TUAN	PPD	88-89	2	8		84	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VIET HUNG	RP2	44	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
8	TANG VAN DUC	RP2	41	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THAO	RP2					68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VU QUYEN	RP2	49	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN THANH TUAN	RP2	42	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN THANH	RP2	50	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
13	VU DUY QUYEN	RP2	52-53	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LE CHI CUONG	RP2	43	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU LONG	RP2	45	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM TU ANH	RP2	47	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
17	ONG MINH HAI	RP2	54	1	8		71	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG PHONG	RP2	51	1	8	63	70	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN THE DU	RP2	46	1	11		65	CODIEN	Vietnamese
20	DAO DUY DIEP	RP2	48	1	9		80	CODIEN	Vietnamese
21	BINH QUOC TRUONG	RP2	55	1	12		83	GETRACO	Vietnamese
22	TRAN VAN VIET B	RP2	60	1	4		70	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	6	7	40	447	0	0+2		CHUYEN 2 PAX PPD SANG RP2
2	RP2	16	16	118	1.106	63	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>158</b>	<b>1.553</b>	<b>63</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>158</b>	<b>1.553</b>	<b>63</b>			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2018	TO: RP3 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HUNG - Dũng - Năm	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN KHIÊM HIẾU	RP3	69	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	68	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	42	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	LE ĐỨC HUY	RP3	71	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN HOA	RP3	40	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH DUƠNG	RP3	72-73	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN HIẾN	RP3	43-44	2	6		58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TỬ HAI	RP3					68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG VŨ	RP3					72	KH-THAC	Vietnamese
10	LẠI ĐỨC BAY	RP3	67	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	41	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯỜNG THẾ DŨNG	RP3	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN THĂNG	CLO	61-62	2	18		67	DVL	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC HÙNG	CLO	68-69	2	18	40	74	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤN NINH	CLO	70-71	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT LỘC	CLO	72-73	2	18	CARGO	58	XAYLAP	Vietnamese
17	VUÔNG MAI	CLO	74-75	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
18	KIEU MINH QUYẾT	CLO	64	1	4		64	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG KHANG	CLO	65	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN TUNG	CLO	67	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN TRUNG	CLO	66	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG VAN TRUONG	CLO	63	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	12	12	60	796	0	4		
2	CLO	10	15	115	677	40	18	40	
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>175</b>	<b>1.473</b>	<b>40</b>	<b>22</b>	<b>40</b>	
<b>WEIGHT KG</b>				<b>175</b>	<b>1.473</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2018	TO: TD2 - RP1	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Cuong - VTHU - HNAM	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TỬ	TD2	33	1	5	40	71	KHOAN	Vietnamese
2	LE ĐỨC THIÊN	RP1	63	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN PHI KHAI HOAN	RP1	55	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN MINH HIẾU	RP1	52	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
5	TAO QUANG NGAN	RP1	64	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VĂN TAM	RP1	51	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH HOAN	RP1	53	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CÔNG TOAN	RP1					90	KH-THAC	Vietnamese
9	TUÔNG ANH CAC	RP1					60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN KHÁC HỒNG	RP1	49	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG ĐÌNH BA	RP1	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC PHONG	RP1	58	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HUNG CUONG	RP1	56-57	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN THUY	RP1	50	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	62	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG THE ANH	RP1	61	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN THANH CONG	RP1					58	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN BA QUY	RP1	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG LỘC	RP1	59	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	LE MANH HUNG	RP1	65	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	RP1	66	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN NAM HOANG	RP1	67	1	10		52	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	1	1	5	71	40	1		
2	RP1	21	19	108	1,472	0	21		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>20</b>	<b>113</b>	<b>1,543</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>113</b>	<b>1,543</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

PAX CARGO

21



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2018	TO: P10 - P8 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TTrung - Vậ - DTùng	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NAM	P10	93	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ BAO TRUNG	P10	35	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM DUY CHUNG	P10	94	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THÈ HANH	P10	39-40	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MINH ĐỨC	P10	95	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NGHĨA	P10	89-90	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TOÀN	P10	27	1	10	73	57	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC ĐÌNH	P10	26,900	2	17	60	80	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN LỢI	P10	99	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH NGỌC	P10	96	1	10		85	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG QUẢN	P10	97-98	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI VĂN QUANG	P10					70	PSV	Vietnamese
13	BUI VĂN NGUYỄN	P10	92	1	6		60	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P10	91	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN CÁN	P10	88	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU THÀNH	P8	65	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN PHÚC	P8	62	1	5		62	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH TÙNG	P8	63	1	3		55	PSV	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	64	1	3		70	PSV	Vietnamese
20	ĐÀU CÔNG SAU	P8	61	1	5		80	PSV	Vietnamese
21	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	60	1	5		55	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	18	139	1.057	133	6		
2	P8	6	6	28	382	0	9		
3	P4	0	0	0	0	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>24</b>	<b>167</b>	<b>1.439</b>	<b>133</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>167</b>	<b>1.439</b>	<b>133</b>			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2018	TO: PPD - RCDM	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: LBinh - MTHAO - NNam	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐANG TIEN	PPD	16-17	2	14		71	KHI	Vietnamese
2	ĐOAN MẠNH TOAN	PPD					86	KHI	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG THAI	PPD	19	1	5		65	KHI	Vietnamese
4	HUYNH NAM LONG	PPD	14	1	10		65	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	20	1	10		76	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG NAM	PPD	18	1	7		65	KHI	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC HOANG	PPD	21	1	5		68	KHI	Vietnamese
8	HỒ XUÂN THĂNG	PPD	10-11	2	19		65	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUNG	PPD	32-33	2	10	14	76	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SANG	PPD	15	1	13		69	KHI	Vietnamese
11	VŨ TẠ HÙNG	PPD	23	1	6		67	KHI	Vietnamese
12	NGŨ VĂN BÌNH	PPD	34-35	2	10		63	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NINH	PPD	22	1	5		77	KHI	Vietnamese
14	PHAN MẠNH TOAN	PPD	28-29	2	16	22	64	KHI	Vietnamese
15	ĐỖ THẾ QUANG	PPD	24-25	2	9		75	KHI	Vietnamese
16	CÁN ANH TUAN	PPD	26-27	2	16		64	KHI	Vietnamese
17	TRẦN MINH THU	PPD	36	1	12		70	KHI	Vietnamese
18	TRẦN MINH ĐỨC	PPD	30-31	2	11		49	KHI	Vietnamese
19	NGŨ ĐẶC TOAN	RCDM	12	1	5	55	57	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI QUỐC VIỆT	RCDM	11	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG MINH DUNG	RCDM	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ TRỌNG BANG	RCDM	13	1	5		76	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	25	178	1.235	36	6		
2	RCDM	4	4	20	283	55	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>29</b>	<b>198</b>	<b>1.518</b>	<b>91</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>198</b>	<b>1.518</b>	<b>91</b>			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2018	TO: PPD - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Dũng - HUNG - Năm	ETA: 13:40
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HONG DINH	PPD	38-39	2	11	98	56	KHI	Vietnamese
2	DUONG BAO TRUNG	PPD	45	1	10		65	KHI	Vietnamese
3	TRAN HAI ĐANG	PPD	42-43	2	8		70	KHI	Vietnamese
4	VO PHI HO	PPD	40	1	10		85	KHI	Vietnamese
5	HOANG ANH GIANG	PPD	49-51	3	17		70	KHI	Vietnamese
6	HOA HONG TINH	PPD	41	1	6		54	KHI	Vietnamese
7	PHAM TANG THANH AN	PPD	44	1	7		70	KHI	Vietnamese
8	TRAN DOAN HUONG	PPD					80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRUONG TUAN HUNG	PPD	47	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO KIM NGHIEP	PPD	55-56	2	18		75	CODIEN	Vietnamese
11	LE VAN DUNG	PPD	52	1	10		66	CODIEN	Vietnamese
12	TRAN VAN HUY	PPD	53-54	2	12		60	CODIEN	Vietnamese
13	VU THE LIEN	PPD	46	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	HOANG VAN CONG	PPD	48	1	6		56	PSV	Vietnamese
15	DO VAN KIM	P9	07	1	7		64	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN ĐANG BIEN	P9	01	1	4		71	PSV	Vietnamese
17	LE VAN VIET	P9	02	1	4		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC TUAN	P9	06	1	5	20	73	PSV	Vietnamese
19	PHAM HUU HIEU	P9	03	1	5		66	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TU	P9	04	1	7		55	PVCPT	Vietnamese
21	NGUYEN VAN MAI	P9	05	1	7		65	PVCPT	Vietnamese
22	TRUONG XUAN TIEN	P9	08	1	12		60	PVCPT	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	19	125	938	98	6		
2	P9	8	8	51	529	20	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>176</b>	<b>1.467</b>	<b>118</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>176</b>	<b>1.467</b>	<b>118</b>			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/09/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+BK14+BK5	7:25	14+6+2	0+0+0		12+0+0	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ TD1-BK14
2		VSP01+PPD+BK6	9:25	6+13+3	0+0+0		5+1+0	0+0+0	

TPBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/09/2018	TO: TD1 - BK14 - BK5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Dũng - NNam	ETA: 09:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG KHANH	TD1	57	1	10		84	NHA THAU	Vietnamese
3	HOANG VAN NAM	TD1	53	1	9		84	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LĂNG	TD1	50	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ QUỐC BAO	TD1	49	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1					71	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	52	1	3	15	67	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG ANH TUÂN	TD1	55	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	51	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VIỆT LINH	TD1	56	1	6		93	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	54	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HIẾN	TD1	62	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ TỰ KHA	TD1	61	1	9		83	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ HUY KHANH	TD1	60	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
15	CAO VĂN GIÁP	BK14	73	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG BA THẮNG	BK14	01,72	2	17		59	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ ĐÌNH HIẾU	BK14	95	1	12	44	65	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ NGỌC CƯỜNG	BK14	96-97	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT MINH	BK14	75	1	5		62	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC VIỆT	BK14	98	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐINH QUANG SƠN	BK5	77	1	14		57	XAYLAP	Vietnamese
22	VO HOANG LAM	BK5	78	1	10	25	63	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	14	12	81	1.053	15	12	0	<i>Chuyen 2 PAX từ TD1 sang BK14</i>
2	BK14	6	8	71	401	44	0	0	
3	BK5	2	2	24	120	25	0	0	
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>176</b>	<b>1.574</b>	<b>84</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	
<b>WEIGHT KG</b>				<b>176</b>	<b>1.574</b>	<b>84</b>			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.  
*[Signature]*

VNH REP.  
*[Signature]*

CAPTAIN  
*[Signature]*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/09/2018	TO: VSP01 - PPD - BK6	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - Dũng - N.Nam	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN DOANH	VSP01	48	1	4		68	VIỆT PHÁT	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KHAN	VSP01	46	1	5		70	PSV	Vietnamese
3	VU VĂN ĐIỆP	VSP01	43	1	5		67	PSV	Vietnamese
4	LÊ CAO HAI	VSP01	45	1	6		65	PSV	Vietnamese
5	ĐÌNH DOÀN TÙNG	VSP01	47	1	4		60	PSV	Vietnamese
6	HÀ THẾ BÌNH	VSP01	44	1	5		67	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH HOÀN	PPD	82	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
8	LUÔNG NHƯ THIÊN	PPD	80	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	PPD	70-71	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG DAI	PPD	83-84	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
11	VO KIM THONG	PPD	66-67	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN QUỐC	PPD	72-73	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN THẾ LONG	PPD	78-79	2	11		62	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG THANH BÌNH	PPD	74-75	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN HỮU NGHỊ	PPD	81	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẠO MINH HAI	PPD	69	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
17	VU TU HUE	PPD	64-65	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN QUẢN	PPD	68	1	11		69	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁC HOÀNG	PPD	76-77	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI CÔNG THÀNH	BK6	50	1	12		77	XAYLAP	Vietnamese
21	HÀ XUÂN THÀNH	BK6	15-16	2	16		72	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN ANH TIẾN	BK6	17-18	2	13	27	62	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	6	6	29	397	0	5		
2	PPD	13	21	167	848	0	1		
3	BK6	3	5	41	211	27	0		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>32</b>	<b>237</b>	<b>1.456</b>	<b>27</b>	<b>6</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>237</b>	<b>1.456</b>	<b>27</b>			

GRAND TOTAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN